TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRÀ CÚ** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2018/HNGĐ-ST
Ngày 25 - 9 - 2018
"V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ CÚ, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Thạch Thuône
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Cao Hiền Tự
2. Bà Ngô Thị Oanh Kiều

- Thư ký phiên tòa: Bà Kim Thị Bô Na, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Kim Sum, Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 324/2018/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2018 về việc "*Tranh chấp ly hôn và nuôi con"*, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 61/2018/QĐXXST-HNGĐ, ngày 06 tháng 9 năm 2018 và quyết định hoãn phiên tòa số: 35/2018/QĐTS-HNGĐ, ngày 20 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Thạch Thị G, sinh năm 1995 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: ấp B, xã N, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

- *Bị đơn:* Anh Thạch Kim D, sinh năm 1990 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp C, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 19/7/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Thạch Thị G trình bày: Vào năm 2013, do quen biết nên chị và anh Thạch Kim D tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân với nhau, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ngọc Biên, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh vào ngày 18/5/2013 theo quy định của

pháp luật. Sau khi kết hôn, vợ chồng cùng lên thành phố Hồ Chí Minh làm thuê đến khoảng tháng 9 năm 2013 thì chị về quê sinh con và vợ chồng cùng chung sống với cha mẹ ruột của chị tại ấp B, xã N, huyện T, tỉnh Trà Vinh đến khoảng tháng 11 năm 2013 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nên anh D bỏ về nhà cha mẹ ruột của anh Dinh tại ấp C, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh sinh sống và vợ chồng sống ly thân với nhau từ đó đến nay, không bên nào tạo điều kiện hàn gắn. Nay chị G nhận thấy, tình cảm vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Thạch Kim D; về con chung, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Thạch Kim M, sinh ngày 19/9/2013, không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung và nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Thạch Kim D đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án và thông báo hợp lệ hai lần để dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh D vắng mặt không có lý do nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Quá trình xác minh tình trạng hôn nhân của chị G, anh D thể hiện: Sau khi kết hôn vào năm 2013 chị G và anh D cùng sống chung với cha mẹ của chị G tại ấp B, xã N, huyện T, tỉnh Trà Vinh. Sau khi sinh con được khoảng hai tháng, thì vợ chồng chị G và anh D xảy ra mâu thuẫn do anh D không lo làm ăn, nên vợ chồng xảy ra cự cải, anh D trở về nhà cha mẹ ruột sinh sống và ly thân với chị G từ tháng 11 năm 2013 đến nay mà không bên nào tạo điều kiện hàn gắn.

Tại phiên tòa chị G có đơn đề nghị xin được xét xử vắng mặt; anh D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là phù hợp với quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, bị đơn đã vắng mặt trong các phiên hòa giải là vi phạm Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung, căn cứ vào lời khai của nguyên đơn, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về vấn đề hôn nhân và nuôi dưỡng con chung. Đồng thời, đề nghị miễn án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm cho nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Theo đơn khởi kiện thì chị Thạch Thị G yêu cầu được ly hôn với anh Thạch Kim D và yêu cầu nuôi con chung nên đây là vụ kiện "*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự; căn cứ khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Thạch Kim D đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án và thông báo hợp lệ hai lần vào ngày 15/8/2018 và ngày 23/8/2018 để dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng trong các lần được thông báo anh D đều vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Tại phiên tòa, nguyên đơn chị G có đơn yêu cầu được vắng mặt, bị đơn anh D đã được triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào khoản 1, 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Thạch Thị G và anh Thạch Kim D tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ngọc Biên, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh ngày 18/5/2013 theo quy định của luật Hôn nhân nhân và gia đình nên quan hệ hôn nhân giữa chị G và anh D là hợp pháp. Thời gian đầu sau khi kết hôn, vợ chồng chị G và anh D chung sống với nhau có hạnh phúc, có yêu thương, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau đến tháng 11 năm 2013 thì phát sinh mẫu thuẫn, xảy ra cự cãi do anh D không lo làm ăn nên chị G và anh D đã sống ly thân với nhau từ đó đến nay mà không bên nào tạo điều kiện hàn gắn. Quá trình tố tụng, Tòa án đã thông báo cho anh D biết về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhiều lần nhưng anh D không đến dự cũng không có gửi cho Tòa án văn bản nêu ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện của chị G. Căn cứ vào lời trình bày của chị G và kết quả xác minh của Tòa án có cơ sở xác định, tình trạng hôn nhân nhân giữa chị G và anh D đã trầm trọng, đời sống chung không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, việc chị G yêu cầu ly hôn với anh D là có căn cứ nên chấp nhận.

[4] Về con chung: Thời gian chung sống, chị G và anh D có một người con chung tên Thạch Kim M, sinh ngày 19/9/2013. Thấy rằng, kể từ khi anh D và chị G sống ly thân thì cháu M do chị G là trực tiếp nuôi dưỡng. Do đó, việc chị G yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu M là có căn cứ chấp nhận.

[5] Về phần cấp dưỡng nuôi con: Theo đơn khởi kiện thì chị Giang có yêu cầu anh Dinh cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng bằng 800.000 đồng. Tuy nhiên, quá trình tố tụng ngày 23/8/2018 chị G xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về cấp

dưỡng nuôi con, theo đó chị không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con. Đây là sự tự nguyện của chị G nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Thạch Thị G xác định không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Trong vụ án hôn nhân và gia đình thì nguyên đơn phải chịu án. Tuy nhiên, do chị Thạch Thị G là người người dân tộc thiểu số (dân tộc Khmer), sống tại địa bàn xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên được miễn nộp tiền án phí hôn nhân và gia đình theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8] Quan điểm của Vị Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Cú là có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, Điều 244, khoản 4 Điều 147, Điều 238, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Thạch Thị G.

- Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Thạch Thị G được ly hôn với anh Thạch Kim D.

- Về con chung: Giao cháu Thạch Kim M, sinh ngày 19/9/2013 cho chị Thạch Thị G được tiếp tục nuôi dưỡng, anh Thạch Kim D không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Thạch Kim D không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản, đồng thời anh D cũng phải có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được chung sống với chị G. Vì quyền lợi về mọi mặt của con, sau khi ly hôn anh D hoặc chị G có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Miễn toàn bộ tiền án phí cho chị Thạch Thị G.

3. Án xử sơ thẩm công khai vắng mặt nguyên đơn, bị đơn báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TA tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Trà Cú;
- Chi cục THADS huyện Trà Cú;
- UBND xã Ngọc Biên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Thạch Thuône

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Cao Hiền Tự **Ngô Thị Oanh Kiều** **Thạch Thuône**